

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **86/2026/HS-ST**
Ngày: 20-5-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Ánh**

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà **Lê Thị Nhớ**

+ Ông **Trần Minh Tám**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Nguyễn Viết Cường**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Văn Nghiệp** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 93/2026/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1005/2026/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2026 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Quốc Đ, tên gọi khác: Không; sinh ngày 06 tháng 7 năm 1994 tại Đà Nẵng; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Số nhà A đường T, tổ C, phường H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đức T (sinh năm: 1970) và bà Nguyễn Thị H (sinh năm: 1970); vợ: Trần Thị Ly L (sinh năm: 1995, đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 28/6/2022 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (cũ) khởi tố về tội: “Cố ý gây thương tích” – ngày 18/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Nam ra Quyết định đình chỉ

điều tra bị can số 01 (căn cứ khoản 2 Điều 155; điểm a khoản 1 Điều 230 Bộ luật tố tụng hình sự);

- Ngày 08/02/2023 bị Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (cũ) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20/QĐ-XPHC về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe người khác” với mức phạt là 2.500.000 đồng; chấp hành nộp phạt vào ngày 11/01/2024;

- Ngày 06/9/2022 bị Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (cũ) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 124/QĐ-XPHC về hành vi “Cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác” với mức phạt là 3.500.000 đồng; nộp phạt vào ngày 14/9/2022.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/8/2025, chuyển tạm giam từ ngày 16/8/2025 cho đến nay, tại Phân trại tạm giam H - Trại tạm giam số 01, Công an thành phố Đ.*Có mặt tại phiên tòa.*

2/ Trần Đ1, tên gọi khác: Không; sinh ngày 10 tháng 06 năm 1998 tại thành phố Đà Nẵng; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: B H, tổ H, phường A, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Đ2 (sinh năm: 1974) và bà Huỳnh Thị Thu H1 (sinh năm: 1974). Vợ: Trần Thị Mỹ D (sinh năm 1999), có một người con sinh năm 2025.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 12/4/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng (cũ) tuyên phạt 03 năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em” theo Bản án số 09/2013/HSST (khi thực hiện hành vi phạm tội thì độ tuổi của Đ1 là 14 tuổi 01 tháng);

- Ngày 09/10/2023 bị Công an quận C, thành phố Đà Nẵng (cũ) xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 291/QĐ-XPHC.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/8/2025, chuyển tạm giam từ ngày 16/8/2025 cho đến nay, tại Phân trại tạm giam H - Trại tạm giam số 01, Công an thành phố Đ.*Có mặt tại phiên tòa.*

3/Đặng Công Tiến, tên gọi khác: Không; sinh ngày 11 tháng 6 năm 1994 tại Đà Nẵng; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Số H đường H, phường H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Văn T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị M (sinh năm 1956). Vợ: Trần Thị Lệ G (sinh năm 1994); có một người con sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/8/2025, chuyển tạm giam từ ngày 16/8/2025 cho đến nay, tại Phân trại tạm giam H - Trại tạm giam số 01, Công an thành phố Đ. *Có mặt tại phiên tòa.*

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ngô Thị Tuyết N, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Số A đường T, phường H, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào 04/8/2025, Nguyễn Quốc Đ thuê phòng 402 tại Khách sạn P1 để ở cùng với bạn gái tên Q (hiện không xác định nhân thân, lai lịch cụ thể), đến ngày 05/8/2025 do có nhu cầu sử dụng ma túy nên Đ liên hệ một người tên P (hiện không xác định được nhân thân lai lịch cụ thể) qua ứng dụng Messenger mua 500.000 đồng ma túy đá về để sử dụng thì P đồng ý bán ma túy cho Đ và hẹn Đ đến cổng chào Đ, thành phố Đà Nẵng để thực hiện việc giao dịch mua bán trái phép chất ma túy (mua ma túy xong thì Đ đã xóa nhật ký cuộc gọi và tài khoản Messenger của P). Sau khi mua được ma túy, Đ đem về phòng 402 khách sạn P1 và dùng một bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, một bật lửa sử dụng một mình hết một ít (Q không tham gia sử dụng ma túy cùng Đ). Đến tối ngày 06/8/2025 thì Trần Đức X đến ngủ cùng phòng với Đ thì Đ đồng ý cho Đ1 đến ngủ lại ở phòng.

Đến gần trưa ngày 07/8/2025, Trần Đ1 thấy một bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy cùng ma túy để trên bàn ở trong phòng nên lấy để sử dụng. Một lúc sau thì Nguyễn Quốc Đ tỉnh dậy, lúc này Đ thấy Đ1 đang sử dụng chất ma túy và Đ ngồi tham gia sử dụng ma túy cùng với Đ1, Đ1 dùng bật lửa đốt ma túy trong nỏ thủy tinh để cho Đ hút. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày thì Đặng Công T2 đi đến phòng của Đ đang thuê để chở Q về lại xã Đ, thành phố Đà Nẵng thì Đ rủ T2 cùng sử dụng ma túy thì T2 đồng ý. T2 dùng bật lửa ga đốt ma túy cho Đ và Tiến hút, sau khi hút được khoảng 04 hơi đến 05 hơi thì T2 chở Q đi về xã Đ (quá trình các bị can tổ chức sử dụng ma túy thì Q không tham gia).

Lúc này tại phòng 402 thì Đ và Đ1 tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy. Đến khoảng 14h10' cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ phối hợp với Công an phường T tiến hành kiểm tra phòng 402 khách sạn P1, địa chỉ số A N, phường T, thành phố Đà Nẵng, phát hiện bắt quả tang Nguyễn Quốc Đ và Trần Đ1 đang có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Đến khoảng hơn 16h00', Đặng Công T2 quay lại phòng 402 để tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy thì bị lực lượng Công an bắt giữ. Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra thì Nguyễn Quốc Đ, Trần Đ1 và Đặng Công T2 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 nõ thủy tinh đã bị vỡ, 01 ống hút nhựa và 01 bình nhựa có nắp đậy 02 lỗ (đây là bộ sử dụng chất ma túy của Đ mang theo. Đ và Đ1 khai nhận dùng để sử dụng ma túy đá);

- 01 (một) bao nilong bên trong có chứa tinh thể màu trắng (Đ và Đ1 khai nhận là ma túy loại đá). Ký hiệu là A;

- 01 (một) bật lửa màu vàng của Nguyễn Quốc Đ;

- 01 (một) điện thoại di động số IMEI: 867521074453496, gắn sim số 0931.125.113 của Nguyễn Quốc Đ, không kiểm tra chất lượng.

- 01 (một) điện thoại di động số IMEI: 867690050678259, gắn sim số 0796.268.050 của Trần Đ1, không kiểm tra chất lượng.

- 01 (một) điện thoại di động số IMEI: 35745109447260601, gắn sim 0377.513.637 của Đặng Công T2 không kiểm tra chất lượng).

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Janus BKS: 42C1-787.22 (của Đặng Công T2 không kiểm tra chất lượng).

Ngoài ra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ còn thu giữ các mẫu nước tiểu của Nguyễn Quốc Đ (ký hiệu là D), Trần Đ1 (ký hiệu là D1) và Đặng Công T2 (ký hiệu là T) để tiến hành giám định chất ma túy.

Tại Bản kết luận giám định số 691/KL-KTHS ngày 14/8/2025 của Phòng K Công an thành phố Đ kết luận:

- Tinh thể rắn màu trắng trong các mẫu ký hiệu A gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng mẫu 0,136 gam – mẫu hoàn lại sau giám định có khối lượng là 0,090 gam.

- Trong mẫu nước tiểu của Nguyễn Quốc Đ (ký hiệu là D), Trần Đ1 (ký hiệu là D1) và Đặng Công T2 (ký hiệu là T) gửi giám định có tìm thấy chất ma túy loại Methamphetamine.

Tại Cáo trạng số 65/CT-VKS ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Nguyễn Quốc Đ tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Trần Đ1 và Đặng Công T2 đã phạm vào tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước giữ nguyên quan điểm đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất vụ án, nhân thân, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc Đ phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” đề nghị áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc Đ mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù và không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Tuyên bố bị cáo Trần Đ1 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Trần Đức M1 án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù và không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Tuyên bố bị cáo Đặng Công T2 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Đặng Công T2 mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù và không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 nỏ thủy tinh đã bị vỡ, 01 ống hút nhựa và 01 bình nhựa có nắp đậy 02 lỗ (đây là bộ sử dụng chất ma túy của Đ mang theo; Đ và Đ1 khai nhận dùng để sử dụng ma túy đá);

- 01 (một) bao nilong bên trong có chứa tinh thể màu trắng (Đ và Đ1 khai nhận là ma túy loại đá). Ký hiệu là A;

- 01 (một) bật lửa màu vàng của Nguyễn Quốc Đ;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động số IMEI: 867521074453496, gắn sim số 0931.125.113 của Nguyễn Quốc Đ, không kiểm tra chất lượng.

Trả lại:

- 01 (một) điện thoại di động số IMEI: 867690050678259, gắn sim số 0796.268.050 của Trần Đ1, không kiểm tra chất lượng cho Đ1.

- 01 (một) điện thoại di động số IMEI: 35745109447260601, gắn sim 0377.513.637 của Đặng Công T2 không kiểm tra chất lượng) cho T2.

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Janus BKS: 42C1-787.22 (của Đặng Công T2

không kiểm tra chất lượng) cho T2.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Quốc Đ, Trần Đ1, Đặng Công T2 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố là đúng. Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Quốc Đ, Trần Đ1 và Đặng Công T2 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Vào ngày 07/8/2025 tại phòng 402 Khách sạn P1 ở số A đường N, thành phố Đà Nẵng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ phát hiện bắt quả tang Nguyễn Quốc Đ, Trần Đ1 và Đặng Công T2 đã có hành vi “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” loại Methamphetamine cụ thể như sau: Nguyễn Quốc Đ chuẩn bị địa điểm, chuẩn bị 01 bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy và cung cấp ma túy cho Trần Đ1 và Đặng Công T2 sử dụng; bị cáo Trần Đ1 có hành vi 01 lần đốt ma túy cho bị can Nguyễn Quốc Đ hút; bị cáo Đặng Công T2 có hành vi 01 lần đốt ma túy cho bị can Nguyễn Quốc Đ hút.

Từ các căn cứ trên, có đủ cơ sở pháp lý để xác định bị cáo Nguyễn Quốc Đ tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Đ1 và Đặng Công T2 đã phạm vào tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Cáo trạng số 65/CT-VKS ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 đã truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo thì thấy:

Trong vụ án này, các bị cáo đều nhận thức được tác hại của ma túy đối với con người, kinh tế, xã hội, nhận thức rõ hành vi tổ chức sử dụng ma túy là bị pháp luật nghiêm cấm. Tuy nhiên, để thỏa mãn nhu cầu sử dụng của bản thân các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo là rất nghiêm trọng, có tính đồng phạm, vi phạm chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước. Làm gia tăng tình hình tội phạm tại địa phương, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo sớm trở thành một công dân tốt cho gia đình và xã hội, làm gương cho những người có ý định phạm tội.

Xét vai trò của từng bị cáo, nhân thân các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Quốc Đ giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo là người chủ động mua ma túy, thuê địa điểm và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc sử dụng trái phép chất ma túy. Tại phòng 402 Khách sạn P1, bị cáo trực tiếp cung cấp ma túy cho Trần Đ1 và Đặng Công T2 cùng sử dụng. Do đó, có căn cứ xác định bị cáo Đ là người khởi xướng và tổ chức việc sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo trong vụ án. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hành vi phạm tội không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể giữa các bị cáo nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Về nhân thân, mặc dù không có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo đã nhiều lần vi phạm pháp luật, từng bị khởi tố về tội “*Cố ý gây thương tích*” (sau đó đình chỉ) và hai lần bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi “*Xâm hại đến sức khỏe người khác*” và hành vi “*Cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác*”. Điều đó cho thấy bị cáo có nhân thân không tốt, ý thức chấp hành pháp luật còn hạn chế. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với vai trò chính của bị cáo trong vụ án nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Bị cáo Trần Đ1 không tham gia mua ma túy, không chuẩn bị địa điểm, công cụ phạm tội và cũng không phải là người khởi xướng việc sử dụng ma túy. Sau khi phát hiện ma túy có sẵn tại phòng, bị cáo tham gia sử dụng cùng bị cáo Đ và có hành vi một lần đốt ma túy cho bị cáo Đ hút. Mặc dù không có hành vi tổ chức, cung cấp ma túy hoặc tạo điều kiện cho người khác sử dụng, song bị cáo tham gia xuyên suốt quá trình phạm tội và có mức độ tích cực hơn bị cáo T2. Về nhân thân, bị cáo từng bị kết án 03 năm tù về tội “*Hiếp dâm trẻ em*” và bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, thể hiện nhân thân xấu và

khả năng tự cải tạo còn hạn chế. Do đó, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo cần nghiêm khắc hơn so với bị cáo T2 nhưng thấp hơn bị cáo Đ.

Bị cáo Đặng Công T2 không tham gia mua ma túy, không chuẩn bị địa điểm, công cụ và cũng không có sự bàn bạc từ trước với các bị cáo khác. Việc tham gia sử dụng ma túy mang tính chất nhất thời do được bị cáo Đ rủ rê. Trong quá trình sử dụng, bị cáo có hành vi một lần đốt ma túy cho bị cáo Đ hút, không có hành vi cung cấp ma túy, chuẩn bị địa điểm hoặc tổ chức cho người khác sử dụng. Mức độ tham gia của bị cáo là hạn chế, giữ vai trò thứ yếu trong vụ án. Bị cáo không có tiền án, tiền sự, chưa từng bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt hơn các bị cáo còn lại. Vì vậy, khi lượng hình cần xem xét áp dụng cho bị cáo mức hình phạt nhẹ hơn so với bị cáo Đ và bị cáo Đ1.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó: Bị cáo Nguyễn Quốc Đ giữ vai trò chính, khởi xướng, tổ chức. Bị cáo Trần Đ1 tham gia với mức độ tích cực hơn nhưng không giữ vai trò tổ chức. Bị cáo Đặng Công T2 tham gia với vai trò thứ yếu, mang tính chất bị rủ rê là cơ sở để quyết định hình phạt bảo đảm nguyên tắc công bằng, cá thể hóa trách nhiệm hình sự và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Nguyễn Quốc Đ, Trần Đ1 và Đặng Công T2 đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Quốc Đ, Trần Đ1 và Đặng Công T2 đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Quốc Đ có ông nội là liệt sĩ, hiện đang trực tiếp nuôi con nhỏ và mẹ ruột bị bệnh ung thư; bị cáo Trần Đ1 có bà ngoại được Nhà nước tặng Huy chương Kháng chiến, đồng thời gia đình có hoàn cảnh khó khăn; bị cáo Đặng Công T2 cũng có hoàn cảnh gia đình khó khăn và được chính quyền địa phương xác nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho các bị cáo cải tạo, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để giải quyết:

- 01 (một) phong bì giấy niêm phong đựng mẫu hoàn trả của Phòng K, C, kết luận giám định số: 691/KL-KTHS ngày 14/8/2025, bên trong có chứa tinh thể màu trắng (Đ và Đ1 khai nhận là ma túy loại đá) ký hiệu A là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) nỏ thủy tinh đã bị vỡ, 01 ống hút nhựa và 01 bình nhựa có nắp đậy 02 lỗ; 01 (một) bật lửa màu vàng của Nguyễn Quốc Đ đều là công cụ dùng vào việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại di động số IMEI: 867521074453496, gắn sim số 0931.125.113 của Nguyễn Quốc Đ được bị cáo dùng để liên lạc trong quá trình phạm tội nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 (một) điện thoại di động số IMEI: 867690050678259, gắn sim số 0796.268.050 của Trần Đ1 bị hỏng, không sử dụng được của Đ1, trả lại cho Đ1 nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 (một) điện thoại di động số IMEI: 35745109447260601, gắn sim 0377.513.637 của Đặng Công T2; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Janus BKS: 42C1-787.22 (của Đặng Công T2 không kiểm tra chất lượng) không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho T2.

[6] Đối với người thanh niên tên “P” đã bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Quốc Đ, quá trình điều tra không xác định được nhân thân lai lịch cụ thể. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, điều tra xử lý sau.

[7] Đối với người phụ nữ tên “Q” là bạn của Nguyễn Quốc Đ quá trình điều tra không xác định được nhân thân lai lịch cụ thể. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, điều tra xử lý sau.

[8] Đối với bà Ngô Thị Tuyết N, là quản lý Khách sạn P1, quá trình các bị can tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng 402 thì bà N đã cung cấp thông tin nghi vấn cho Cơ quan Công an. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm đối với chủ Khách sạn P2 là có căn cứ

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Quốc Đ, Trần Đ1, Đặng Công T2 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

1.1 Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quốc Đ **07** (bảy) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ 07 tháng 8 năm 2025.

1.2. Căn cứ: khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Đức 0 (ba) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ 07 tháng 8 năm 2025.

1.3. Căn cứ: khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Công T2 **03** (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ 07 tháng 8 năm 2025.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì giấy niêm phong đựng mẫu hoàn trả của Phòng K, C, kết luận giám định số: 691/KL-KTHS ngày 14/8/2025, ký hiệu A. (Quyết định trưng cầu giám định số 7736/QĐ-CSMT ngày 07/8/2025);

- 01 (một) nỏ thủy tinh đã bị vỡ, 01 ống hút nhựa và 01 bình nhựa có nắp đậy 02 lỗ;

- 01 (một) bật lửa màu vàng.

Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động, số imei 867521074453496 gắn sim số 0931.125.113 (đã niêm phong, không kiểm tra chất lượng bên trong) của Nguyễn Quốc Đ.

- Trả lại 01 (một) điện thoại di động, số imei 867690050678259 gắn sim số 0796.268.050 (đã niêm phong, không kiểm tra chất lượng bên trong) cho bị cáo Trần Đ1.

- Trả lại 01 (một) điện thoại di động, số imei 35745109447260601 gắn sim số điện thoại 0377.513.637 (đã niêm phong, không kiểm tra chất lượng bên trong) và 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Janus gắn biên số: 43C1-787.22, loại xe : hai bánh từ 50-175 cm³ , số loại : JANUS màu sơn Trắng, số máy : E3X8E056070, SK: RLCSEC810JY056063, dung tích xi lanh : 124.9 cm³, Năm SX : 2018 cho bị cáo Đặng Công T2.

(Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Đà Nẵng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02 tháng 02 năm 2026).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án” của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Nguyễn Quốc Đ, Trần Đ1, Đặng Công T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo; người TGTT;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan thi hành án hình sự CA Đà Nẵng;
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 3 – Đà Nẵng;
- Trại tạm giam số 1, Công an TP. Đà Nẵng;
- Phân trại tạm giam Hòa Khánh;
- Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Sở tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Ánh